TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Phước

Ông Nguyễn Văn Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CLD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Bích V** (Bích T), sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp AB, xã AT, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng;

- *Bị đơn*: Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp AB, xã AT, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Bích V trình bày:

Vào năm 2010, chị và anh Lê Văn T được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Đến ngày 10/12/2013, chị và anh T mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian

đầu, chị và anh T chung sống hạnh phúc, đến tháng 11 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến, thường hay cải vã với nhau và có nhiều lần anh T có hành vi đánh chị, từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Tuy còn ở chung một nhà nhưng kể từ tháng 01/2019 thì quan hệ vợ chồng không gần gũi, không ai quan tâm với ai cho đến nay.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh T có 01 người con chung tên: Lê Như Q, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2013, hiện cháu Q đang sống chung nhà với chị và anh T.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống chị và anh T không có tài sản chung cũng như không có nợ chung.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, chị cũng không còn tình cảm với anh T, do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Được ly hôn với anh Lê Văn T.

- Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Như Q, sinh ngày 14/10/2013 cho đến khi thành niên mà chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Văn T trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Trần Thị Bích V. Giữa anh với chị V thời gian đầu sống chung có hạnh phúc. Đến tháng 11/2018, thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và kể từ tháng 01/2019 thì anh và chị V không còn gần gũi vợ chồng cho đến nay, đúng như lời chị V trình bày. Việc chị V đưa ra những nguyên nhân để xin ly hôn là không đúng. Giữa anh với chị V không có gì mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng anh chỉ có cải vã qua lại chứ anh không có đánh chị V. Anh muốn đoàn tụ gia đình để chăm sóc con chung nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V.

- Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết cho anh và Chị V ly hôn thì anh không đồng ý giao cháu Lê Như Q, sinh ngày 14/10/2013 cho chị V nuôi dưỡng mà anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q đến khi thành niên và anh không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CLD phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến thời điểm tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng

theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với bị đơn đều vắng mặt các lần Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đến khi Tòa án mở phiên tòa xét xử thì bị đơn mới có mặt.

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa cho thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị Bích V với anh Lê Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên đương sự hiện không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị V được ly hôn với anh T.

Về con chung: Đối với cháu Lê Như Q, sinh ngày 14/10/2013, hàng ngày chị V là người trực tiếp và thường xuyên chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Lê Như Q cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh T, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Q nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày là không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn có địa chỉ tại ấp AB, xã AT, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện CLD thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" là đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Xét đơn yêu cầu về việc xin ly hôn của chị Trần Thị Bích V đối với anh Lê Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân của chị V và anh T không vi phạm các điều kiện kết hôn và sau khi sống chung hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị V với anh T phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, thiếu quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tại phiên tòa chị V vẫn giữ nguyên nội

dung yêu cầu xin được ly hôn với anh T. Mặt khác, giữa chị V với anh T tuy còn ở chung một nhà nhưng hai người không còn quan hệ gẫn gũi vợ chồng từ tháng 01/2019 cho đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị V được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Cháu Lê Như Q, sinh ngày 14/10/2013, hàng ngày chị V là người thường xuyên và trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q, điều này tại phiên tòa các bên đương sự đều thừa nhận. Do đó, để ổn định về mặt tâm lý cho cháu Q, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Q cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên là phù hợp với quy định của pháp luật. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh T, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Do Chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Q nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày là không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Chị Trần Thị Bích V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Bích V được ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về con chung tên: Chị Trần Thị Bích V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên: Lê Như Q, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2013 đến khi thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh T, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Q nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày là không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Bích V phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm

ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006040, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CLD. Như vậy, chị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Lê Văn T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND huyện CLD;
- Chi cục THADS huyện CLD;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- UBND xã AT, H.CLD;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Văn Đua